

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1370* /UBND-NN

Triệu sơn, ngày 25 tháng 6 năm 2019

V/v tổng kết 10 năm thực hiện
Chương trình MTQG xây dựng
NTM giai đoạn 2010 - 2020.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã.

Ngày 18/6/2019, UBND huyện nhận được Công văn số 272/VPĐP-KHTH của Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 110/KH-BCĐ ngày 25/4/2019 của BCĐ thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa về tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020; Chủ tịch UBND huyện yêu cầu BCĐ xây dựng NTM các xã thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Lập báo cáo và tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào xây dựng NTM trên địa bàn xã giai đoạn 2010 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

(Có đề cương báo cáo chi tiết gửi kèm)

2. Thời gian tổ chức hội nghị và nộp báo cáo tổng kết

Yêu cầu UBND các xã tổ chức hội nghị tổng kết và nộp báo cáo tổng kết về UBND huyện (Qua phòng Nông nghiệp và PTNT) trước ngày 20/7/2019.

Riêng đối với xã Đồng Tiến: Huyện lựa chọn xã Đồng Tiến để tổ chức Hội nghị tổng kết điểm, thời gian xong trước ngày 15/7/2019. Yêu cầu UBND xã xây dựng kế hoạch, dự kiến thời gian tổ chức Hội nghị gửi về phòng Nông nghiệp và PTNT để theo dõi, báo cáo BCĐ huyện sắp xếp thời gian dự và chỉ đạo hội nghị.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã nghiêm túc thực hiện các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Dương

ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

2. Khó khăn

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

- Thời gian thành lập, phân công nhiệm vụ; tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Những thay đổi trong thời gian qua (nếu có) và đánh giá hiệu quả của các mô hình tổ chức, chỉ đạo, quản lý điều hành.

2. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện và cơ chế chính sách

a) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương trong đó tập trung vào một số nội dung trọng tâm:

- Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn;

- Cơ chế giao quyền chủ động cho người dân và cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

- Các cơ chế chính sách hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất; tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tích tụ tập trung ruộng đất; hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; thu gom, xử lý rác thải,...

- Cơ chế chính sách để huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là huy động từ người dân.

- Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và đầu tư sản xuất công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

- Chính sách liên kết hợp tác đa dạng giữa hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

c) Đánh giá hiệu quả các cơ chế chính sách đã ban hành, đề xuất những nội dung chính sách mới để thúc đẩy thực hiện Chương trình trong giai đoạn mới.

(Số liệu cụ thể theo Mẫu biểu số 01 gửi kèm)

3. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò chủ thể trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

b) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

a) Kết quả về xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn hoặc tham dự các lớp đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình NTM.

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, tập huấn; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và kiến nghị giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác lập quy hoạch

- Kết quả chung về triển khai xây dựng quy hoạch (Quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết); công bố và cắm mốc quy hoạch.

- Kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn.

b) Đánh giá kết quả xây dựng, nhân rộng một số mô hình hiệu quả trong 10 năm qua trên địa bàn (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, ngành nghề...)

c) Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật; tỷ lệ lao động trong nông nghiệp; chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn và thực trạng chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

d) Đánh giá kết quả xây dựng, thực hiện đề án, dự án phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

e) Những khó khăn, vướng mắc; đề xuất, kiến nghị trong giai đoạn tới.

3) Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

a) Kết quả thực hiện các công trình chủ yếu: Giao thông, trường học, trạm y tế, nước sạch, các công trình văn hóa, thể thao...

b) Tổng vốn huy động và vốn đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng: phân theo tiêu chí và nguồn vốn.

4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường.

5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội.

6. Kết quả huy động, sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, huyện, xã, vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân.

(Số liệu chi tiết theo mẫu biểu số 2 gửi kèm)

b) Kết quả thực hiện vốn lũy kế hàng năm và lũy kế đến nay, bao gồm vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp theo nội dung đầu tư hỗ trợ.

(Số liệu chi tiết theo mẫu số 03 gửi kèm)

c) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân và kiến nghị đề xuất.

7 Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về NTM

(Số liệu chi tiết theo mẫu số 04 gửi kèm)

III. Đánh giá chung

1. Những kết quả đã đạt được khi triển khai Chương trình giai đoạn 2010 - 2020.
2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân
3. Các bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

**MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẦN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG
NĂM 2020**

I. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM 2020

**II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG
CHỈ ĐẠO**

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SAU NĂM 2020

I. QUAN ĐIỂM

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung
2. Mục tiêu cụ thể
 - a) Giai đoạn 2021 - 2025
 - b) Giai đoạn 2026 - 2030

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện để hoàn thành các mục tiêu đề ra.
2. Đề xuất cơ chế, chính sách để thực hiện chương trình.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự kiến tổng nhu cầu vốn
2. Dự kiến khả năng huy động các nguồn lực

Phần thứ tư

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Mẫu số 02

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2010 - 2020 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2021 - 2030

Triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả thực hiện						Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch 2021 - 2030
		Giai đoạn 2011 - 2015	2016	2017	2018	2019			
	TỔNG SỐ								
I	NGÂN SÁCH TW								
II	NGÂN SÁCH ĐP								
1	Tỉnh								
2	Huyện								
3	Xã								
III	VỐN LÒNG GHÉP								
IV	VỐN TÍN DỤNG								
V	VỐN DOANH NGHIỆP								
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ								
1	Tiền mặt								
2	Ngày công lao động (Công)								
	Quy đổi thành tiền								
3	Hiên đất (m)								
	Quy đổi thành tiền								
4	Vật tư (Quy đổi thành tiền)								
5								
VII	NGUỒN KHÁC								
1								

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

TT	MỤC TIÊU	Kết quả đến 30/6/2019	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Mục tiêu phân đầu giai đoạn 2021 - 2030	Ghi chú
1	Thu nhập bình quân/người/năm (Tr.đ)				
2	Tỷ lệ hộ nghèo (%)				
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)				
4	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (%)				
5	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia (%)				